

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HS-ST

Ngày 25 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái và ông Nguyễn Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Lam Xuân S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2019/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lam Xuân S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn B, xã Đạo Trù, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lam Quang Đ và con bà Trương Thị D đều sinh năm 1951; có vợ: Lê Thị S, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2018 đến ngày 25/12/2018 được tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông C là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Thái Hưng – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 11/9/2018, Lam Xuân S cùng với Hoàng Thị D (là bạn của S) đang ở phòng trọ tại thôn E, xã Ê, huyện A thì có đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn G gọi điện thoại đến cho S hỏi “Nhà em có đưa nhân viên nào không?”, ý S hiểu G hỏi có gái đi bán dâm không thì S nói “Có mỗi một đứa thôi!”, G nói tiếp “Thế thì cho anh hai đứa, anh đi hai người.”, S trả lời “Thế thì 30 phút nữa điện lại”. Lam Xuân S nói với D có đi bán dâm không thì D đồng ý. Sau đó, S gọi điện thoại cho anh Phùng Văn I là chủ nhà nghỉ K ở thôn L, xã Ê, huyện A để hỏi xem nhà anh I có nhân viên không được anh I nói “Anh đi uống rượu, không ở nhà”, S tiếp tục gọi điện thoại cho Lại Thị M là vợ của anh I hỏi “Nhà chị còn đưa nhân viên nào không?”. Lại Thị M hiểu ý S hỏi có gái bán dâm không, M nói “Còn một đứa, bảo khách đi ra đi!”. S và M thống nhất với nhau giá bán dâm là 300.000đ/1 lần/1 người đã bao gồm cả tiền nhà nghỉ và tiền trả cho gái bán dâm. Sau khi thỏa thuận với M, S gọi điện thoại cho G rồi hai bên thỏa thuận giá là 300.000đ/1 lần/1 người đã bao gồm cả tiền nhà nghỉ và tiền trả cho gái bán dâm. S nói với G “Nhân viên đi được rồi, anh ra nhà nghỉ K đi”. Sau đó S điều khiển xe mô tô BKS 88E1- 207.01 là xe của S chở D đến nhà nghỉ K để bán dâm cho G. Khi đến nơi, S thấy G và bạn của G là Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1980 ở khu 3 xã N, huyện O đang ngồi ở ghế đá trước cửa nhà nghỉ đợi. Khi thấy S chở D đến, M gọi điện thoại cho một người tên là X (M không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) là khách thuê phòng nghỉ 101 tại nhà nghỉ K của gia đình M nói “Có khách đến rồi đấy, có đưa nào không?”, X nói “Có P”, M nói tiếp “Bảo P lên phòng 203, bán dâm cho khách”. Sau đó X bảo Hoàng Thị P lên phòng 203 bán dâm. Lúc này, M đi đến chỗ S, nói với G và Mạnh “Đủ phòng và nhân viên rồi đấy, lên đi phòng 202 và 203”, thì G đi cùng P lên phòng 202, Mạnh đi cùng D lên phòng 203 để thực hiện hành vi mua bán dâm. S ngồi nói chuyện với M tại nhà nghỉ và đợi đón D. Khoảng 20 phút sau, G và P thực hiện hành vi mua bán dâm xong đi xuống ngồi nói chuyện với S và M thì G lấy số tiền 1.000.000đ (gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000đ) ra trả tiền mua dâm. G đưa tiền cho S, S cầm đưa cho M. M lấy số tiền 400.000đ (gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 200.000đ) đưa cho S trả lại tiền thừa cho G. Khi M đang trả tiền thừa cho G thì bị tổ công tác Công an huyện A đến kiểm tra phát hiện Mạnh và D đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 202, tổ công tác đã lập biên bản sự việc. Vật chứng thu giữ gồm: số tiền 1.400.000đ (gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000đ và 02 tờ tiền polime mệnh giá 200.000đ); 01 vỏ bao

cao su nhãn hiệu SIVER FOX và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei đã được xé sử dụng và 02 bao cao su đã sử dụng.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2019/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lam Xuân S phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lam Xuân S 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 11/9/2018 đến ngày 25/12/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo khác, quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 01 năm 2019, bị cáo Lam Xuân S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bổ sung yêu cầu kháng cáo là do bị cáo chỉ thực hiện việc môi giới một người nên cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố, xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết “Đối với 02 người trở lên” là không phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Vụ án có dấu hiệu của bỏ lọt tội phạm khi không khởi tố X về hành vi “Môi giới mại dâm” và không khởi tố Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Mạnh về hành vi “Trốn khỏi nơi giam, giữ” là không phù hợp quy định của pháp luật; Về tố tụng: Cấp sơ thẩm có một số vi phạm về thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù cho hưởng án treo đối với Lại Thị M và áp dụng hình phạt tù không cho hưởng án treo đối với Lam Xuân S là vi phạm pháp luật; Giữa bị cáo Lam Xuân S với Hoàng Thị P, Nguyễn Văn G không có quen biết gì với nhau, không có thỏa thuận gì với nhau về việc bố trí cho P bán dâm cho G mà Lam Xuân S chỉ giới thiệu cho Mạnh mua dâm với Hoàng Thị D. Do vậy cấp sơ thẩm truy tố, xét xử Lam Xuân S về hành vi môi giới mại dâm để G mua dâm P là không đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Lam

Xuân S được hưởng. Cụ thể đó là: Hành vi môi giới mại dâm của bị cáo chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; Bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bản thân hiện nay phải nuôi bố, mẹ già và con nhỏ, đã ly hôn với vợ; Gia đình bị cáo là người có công với nhà nước. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì bị cáo Lam Xuân S được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo các quy định tại các điểm h, g, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc con nhỏ, phụng dưỡng bố mẹ già trở thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo Lam Xuân S đồng ý với luận cứ do Luật sư bào chữa đưa ra và không có bổ sung gì; bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của bị cáo đối chiếu với quy định của pháp luật tạo điều kiện cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Lam Xuân S trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thẩm bị cáo Lam Xuân S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của đồng phạm khác đã bị đưa ra xét xử, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, hình thức thực hiện tội phạm cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Xuất phát từ mục đích tư lợi, khoảng 11 giờ ngày 11 tháng 9 năm 2018, Lam Xuân S thỏa thuận rồi đồng ý tìm người bán dâm cho Nguyễn Văn G để G và bạn của G thực hiện hành vi mua bán dâm. Sau đó S đưa Hoàng Thị D và gọi điện thoại để Lại Thị M gọi Hoàng Thị P đến bán dâm cho Nguyễn Văn G và bạn của G là Nguyễn Văn Mạnh tại nhà nghỉ K tại thôn L, xã Ê, huyện A thì bị phát hiện, bắt giữ.

[3] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Lam Xuân S tại phiên tòa và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo Lam Xuân S về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều

328 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

Về tính chất của vụ án là tội phạm nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác.

[4] Xét về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Lam Xuân S Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, căn cứ vào nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”, đây là hình phạt trên mức khởi điểm do điều luật quy định là hoàn toàn tương xứng, phù hợp quy định của pháp luật và hành vi do bị cáo thực hiện. Xét thấy tệ nạn mại dâm, ngoài việc xâm phạm trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội, làm lây lan nhiều loại bệnh tật nguy hiểm khác nên cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới dùng làm căn cứ cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Lam Xuân S không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Lam Xuân S là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Xét việc bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết “Đối với 02 người trở lên”; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo là người trực tiếp nghe điện thoại, thỏa thuận rồi đưa Hoàng Thị D đến nhà nghỉ K để D bán dâm cho Mạnh (là bạn của G) tại phòng 203 của nhà nghỉ. Ngoài ra, để Nguyễn Văn G thực hiện hành vi mua bán dâm với Hoàng Thị P là gái bán do Lại Thị M (là chủ nhà nghỉ bố trí) thì trước đó đã có sự thông báo của S cho Lại Thị M về việc có khách mua dâm để Lại Thị M bố trí. Mặc dù giữ S với P không quen biết nhau từ trước, không có sự thỏa thuận về việc ăn chia nhưng thông qua S để Lại Thị M bố trí P và thông qua S để G quan hệ mua bán dâm với P, do đó

nếu không có sự trung gian của S thì việc mua bán dâm giữa G với P không xảy ra. Do bị cáo Lam Xuân S là trung gian trong việc mua, bán dâm nên cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố, xét xử Lam Xuân S về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 238 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Một số vấn đề sai sót trong biên bản sự việc tại nhà nghỉ do cơ quan công an lập có sự khác nhau về tên của chị P là do sự cầu thả của người làm việc, không ảnh hưởng và làm thay đổi bản chất của sự việc, vì vậy không phải là vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử yêu cầu cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm để tránh sai sót tương tự; về việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với Lại Thị M không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người tên X đã giới thiệu P cho Lại Thị M để M bố trí P bán dâm cho G. Quá trình điều tra Lại Thị M khai không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của X, do đó cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh nên không thể xử lý đối với X; Đối với Nguyễn Văn G và Nguyễn Văn Mạnh là người mua dâm tại nhà nghỉ K ngày 11/9/2018, quá trình làm việc G và Mạnh đã bỏ trốn hiện chưa bắt được. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh theo lời khai của G và Mạnh nhưng không có ai có lai lịch như G, Mạnh khai nhận. Vì vậy chưa thể có cơ sở khởi tố X, G và Mạnh, khi nào xác định rõ xử lý sau là phù hợp. Do đó quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét việc Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định tại các điểm g, h, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Hội đồng xét xử thấy rằng: Điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”, chỉ được áp dụng đối với một số tội phạm về chiếm đoạt tài sản, lấy giá trị tài sản để xác định cấu thành tội phạm hoặc xác định khung hình phạt. Trong vụ án này hành vi của bị cáo Lam Xuân S làm trung gian để việc mua bán dâm giữa các bên được thực hiện đã cấu thành tội phạm nên không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo trong trường hợp này. Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ”, đối chiếu quy định của pháp luật với nhân thân của bị cáo thì bị cáo không thuộc trường hợp trên nên Tòa án cấp sơ thẩm

không áp dụng. Điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải tự mình gây nên”, mặc dù hiện nay bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là bố mẹ già, đông con và đã ly hôn vợ nhưng hoàn cảnh khó khăn của bị cáo không phải là nguyên nhân, là điều kiện dẫn đến việc bị cáo thực hiện tội phạm, không thể cho rằng bản thân có hoàn cảnh khó khăn để vi phạm pháp luật dẫn đến phạm tội. Trong thực tiễn cuộc sống hiện nay có rất nhiều người có hoàn cảnh khó khăn như bị cáo hoặc thậm chí còn khó khăn hơn nhưng họ vẫn thực hiện nghiêm quy định của pháp luật, không vì hoàn cảnh khó khăn mà thực hiện hành vi phạm tội. Từ những phân tích và nhận định như vậy thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định tại các điểm g, h, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lam Xuân S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lam Xuân S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2019/HS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

Tuyên bố bị cáo Lam Xuân S phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lam Xuân S 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội: “Môi giới mại dâm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/9/2018 đến ngày 25/12/2018.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Lam Xuân S phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở G pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân huyện A;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Toà hình sự, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sơn